

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52 2017/HNST
Ngày: 24 - 4 - 2018
V/v Tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Phan Minh Trâm

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Phan Văn Thật.

+ Ông Nguyễn Văn Tư.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Luận, là Thư ký Tòa án nhân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: không tham gia.

Hôm nay, ngày 24 tháng 04 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, Tiền Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình đã thụ lý số: 67/2018/TLST-HNGĐ ngày 06/03/2018 về việc “Tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 09/4/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị T**, sinh năm 1972 .

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1972.

Cùng trú tại: Ấp 8, xã MTN, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị T, anh C có đơn xin vắng mặt phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo đơn khởi kiện ngày 26/2/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Trần Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn C chung sống với nhau vào năm 1993, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc thời gian đầu, đến khoảng năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng với nhau về quan

điểm sống, thường xuyên cự cãi. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng khó có thể hàng
gắn lại được, nên yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Yến N- sinh ngày 21/3/1996
hiện nay đã trưởng thành, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Không có.

* Theo bản tự khai ngày 12/3/2018 bị đơn anh Nguyễn Văn C trình bày:
Anh và chị T chung sống với nhau vào năm 1993 nhưng không có đăng ký kết
hôn. Thời gian đầu anh chị sống hạnh phúc, về sau thì phát sinh mâu thuẫn do bất
đồng với nhau về quan điểm sống. Nay chị T có đơn xin ly hôn anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: có một con chung tên Nguyễn Yến N- sinh ngày 21/3/1996
hiện nay đã thành niên nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung: không có

Về nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại
phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, chị Trần Thị T là nguyên đơn và anh Nguyễn
Văn C là bị đơn đều vắng mặt nhưng có ý kiến yêu cầu Tòa án giải quyết vắng
mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xét
xử vắng mặt chị T, anh C.

[2] Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn C có tổ chức đám cưới vào năm
1993 nhưng đến nay anh chị vẫn không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống
thời gian đầu anh chị sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2016 phát sinh mâu thuẫn
là do anh chị bất đồng với nhau về quan điểm sống, thường xuyên cãi vả nên chị T
yêu cầu được ly hôn với anh C. Tại bản tự khai ngày 12/3/2018, anh C cũng thừa
nhận anh chị chung sống với nhau từ năm 1993 nhưng không có đăng ký kết hôn
và phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng với nhau về quan điểm sống. Nay chị T có
đơn xin ly hôn anh C cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy, tình cảm của anh chị không
còn và thống nhất ly hôn. Tuy nhiên, do anh chị sống chung nhưng không có đăng
ký kết hôn là vi phạm luật hôn nhân và gia đình, nên cần không công nhận anh chị
là vợ chồng mới phù hợp khoảng 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Yến N- sinh ngày
21/3/1996 hiện nay đã trưởng thành, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: có một con chung tên Nguyễn Yến N- sinh ngày 21/3/1996 hiện nay đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung: không có.

4. Về nợ chung: không có.

5. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 theo hai biên lai T số 15316 ngày 06/3/2018 của Cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, như vậy chị T đã nộp xong.

- Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Cục THADS H.Cai Lậy;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Phan Minh Trâm

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Hạnh Huỳnh Văn Thanh

Trịnh Phan Minh Trâm

